

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN LÂM HÀ
TỈNH LÂM ĐỒNG

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 121/2024/HS-ST

Ngày: 09-8-2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LÂM HÀ, TỈNH LÂM ĐỒNG

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên
tòa: Bà Nguyễn Thị Hạnh.

Các Hội thẩm nhân dân:	Ông Nguyễn Xuân Trường; Bà Khuất Thị Minh Hiền.
------------------------	--

- **Thư ký phiên tòa:** ông Lê Văn Cương – là Thư ký Toà án nhân dân huyện Lâm Hà, tỉnh Lâm Đồng.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lâm Hà tham gia phiên tòa:** Bà Trần Duy Hoàng Thao - Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 8 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Lâm Hà, tỉnh Lâm Đồng xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 111a/2024/TLST-HS ngày 04 tháng 7 năm 2024 theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 122/2024/QĐXXST-HS ngày 25 tháng 7 năm 2024, đối với bị cáo:

- **Đỗ Đức A**, sinh ngày 21/3/2002; tại: Hà Nội; nơi đăng ký thường trú: thôn L, xã Đ, huyện L, tỉnh Lâm Đồng; chỗ ở hiện nay: thôn L, xã Đ, huyện L, tỉnh Lâm Đồng, huyện L, tỉnh Lâm Đồng; nghề nghiệp: tự do; trình độ học vấn: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: Phật giáo; quốc tịch: Việt Nam; chức vụ đoàn thể, đảng phái: không; con ông **Đỗ Văn T**, sinh năm 1970 và bà **Cao Thị D**, sinh năm 1975; tiền án: Bản án số 31/2021/HS-ST ngày 22/9/2021 của Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng xử phạt 06 tháng tù về tội: “Gây rối trật tự công cộng”, bị cáo chấp hành xong hình phạt tù ngày 03/5/2022; tiền sự: không; bị cáo **Đỗ Đức A** bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú. Ngày 28/5/2024, bị cáo **Đỗ Đức A** bị khởi tố về tội: “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy” hiện đang bị tạm giam tại Nhà tạm giữ **công an huyện L**. Có mặt tại phiên tòa.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

+ Anh **Dương Quốc Đ**, sinh ngày 25/12/2005.

Địa chỉ: **thôn P, xã P, huyện L, tỉnh Lâm Đồng**. Vắng mặt tại phiên tòa.

+ Anh **Mai Văn T1**, sinh năm 2003.

Địa chỉ: **tổ dân phố V, thị trấn Đ, huyện L, tỉnh Lâm Đồng**. Vắng mặt tại phiên tòa.

+ Anh **Phạm Nguyễn Quốc H**, sinh năm 2001.

Địa chỉ: **thôn Đ, xã Đ, huyện L, tỉnh Lâm Đồng**. Có mặt tại phiên tòa.

+ Anh **Lê Minh H1**, sinh năm 1980.

Địa chỉ: **thôn R, xã Đ, huyện L, tỉnh Lâm Đồng**. Vắng mặt tại phiên tòa.

+ Chị **Lê Thị P**, sinh năm 1990.

Địa chỉ: **tổ dân phố G, thị trấn Đ, huyện L, tỉnh Lâm Đồng**. Vắng mặt tại phiên tòa.

+ Bà **Bùi Thị Ngọc T2**, sinh năm 1982.

Địa chỉ: **thôn P, xã P, huyện L, tỉnh Lâm Đồng**. Vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Do có quen biết với nhau nên **Đỗ Đức A**, sinh năm 2002, nơi cư trú: **thôn L, xã Đ, huyện L, tỉnh Lâm Đồng** cho **Dương Quốc Đ**, sinh ngày 25/12/2005, trú tại **thôn P, xã P, huyện L, tỉnh Lâm Đồng** vay tiền nhiều lần với mức lãi suất là 15.000đ và 30.000đ trên 01 triệu một ngày, tương đương với mức lãi suất 540%/năm và 1.080%/năm, cao gấp 27 lần đến 54 lần so với mức lãi suất cho phép theo quy định tại Điều 468 Bộ luật Dân sự là 20%/năm, khi vay **Đ** phải trả trước tiền lãi của khoản vay 10 ngày một lần. Cụ thể: ngày 01/3/2023, **Đ** vay 3.000.000đ đến ngày 07/3/2023 **Đ** trả tiền gốc và lãi cho **Đỗ Đức A** 3.450.000đ. Theo quy định tại Điều 468 Bộ luật dân sự, tiền lãi cho phép đối với khoản vay 3.000.000đ/7 ngày là 11.506đ, tiền lãi thu lợi bất chính là 438.494đ. Đối với các khoản vay ngày 07/3/2023, tổng cộng vay 5.000.000đ, lãi suất 15.000đ/triệu/ngày; ngày 08/3/2023 vay 1.000.000đ, lãi suất 15.000đ/triệu/ngày; ngày 26/4/2023 vay 2.000.000đ với lãi suất 30.000đ/triệu/ngày và ngày 01/5/2023 vay 1.500.000đ, lãi suất 15.000đ/triệu/ngày thì tổng số tiền **Đ** vay là 9.500.000đ, **Đức A** trừ tiền lãi trước 10 ngày của các khoản này với tổng số tiền là 1.775.000đ, sau đó vào các ngày 21/3/2023, 03/4/2023, 05/4/2023, 17/4/2023, 25/4/2023, 08/5/2023, 12/5/2023 và 25/5/2023, **Đ** đã chuyển khoản trả tiền lãi với tổng số tiền 6.600.000đ. Tính đến ngày 25/5/2023, tổng số ngày vay của các khoản vay trên là 214 ngày. Theo lãi suất quy định tại Điều 468 Bộ luật Dân sự, thì tiền lãi cho phép là 1.113.972đ, tiền lãi thu lợi bất chính là 7.261.028đ.

Sau đó do **Đ** không đóng đủ số tiền lãi đã vay cho **Đỗ Đức A** nên **Đỗ Đức A** liên tục gọi điện, nhắn tin đe dọa **Đ** nếu không trả tiền thì sẽ bị đánh, vì vậy ngày 02/10/2023, **Đỗ Đức A** hẹn gặp **Đ** để nói chuyện **Đ** nợ tiền. Đến khoảng 16 giờ ngày 03/10/2023, **Dương Quốc Đ** nhờ bạn là **Trần Đình H2**, sinh năm 2005, trú tại **thôn P, xã P, huyện L, tỉnh Lâm Đồng** chở đến nhà của **Chu Hoàng Bảo K**, sinh năm 2008 (là nhà bà ngoại của **Đỗ Đức A**) ở **thôn L, xã Đ, huyện L, Lâm Đồng** gặp **Đỗ Đức A**, tại đây **Đ** xin khất nợ với **Đỗ Đức A** vì chưa có tiền trả thì

Đỗ Đức A yêu cầu **Đ** gọi cho mẹ đến để nhận nợ, do đó **Đ** gọi điện thoại cho mẹ là bà **Bùi Thị Ngọc T2**, sinh năm 1982, trú tại **thôn P, xã P, huyện L, tỉnh Lâm Đồng** đến. Trong lúc chờ bà **T2** đến, thì **Đỗ Đức A** có nhờ **Chu Hoàng Bảo K** và nhóm bạn của **K** là gồm **Nguyễn Hữu H3**, sinh năm 2008; **Nguyễn Tiến P1**, sinh năm 2008 cùng trú tại **thôn L, xã Đ, huyện L, Lâm Đồng**; **Vũ Đình Đăng H4**, sinh năm 2007 và **Phạm Văn T3**, sinh năm 2007 cùng trú tại **thôn A, xã Đ, huyện L, Lâm Đồng**; **Nguyễn Tấn N**, sinh năm 2007 và **Nguyễn Quốc B**, sinh năm 2007 cùng trú tại **thôn N, xã P, huyện L, Lâm Đồng** trông coi không để **Đ** bỏ về mục đích chờ bà **T2** đến nói chuyện thống nhất số tiền **Đ** phải trả. Khoảng 30 phút sau, bà **T2** cùng chồng là **Tô Mạnh T4**, sinh năm 1974 đến nói chuyện với **Đỗ Đức A** và đồng ý trả số tiền mà **Đ** đã vay của **Đỗ Đức A** gồm cả tiền gốc và tiền lãi tổng cộng là 15.000.000đ bằng cách trả mỗi tháng 2.000.000đ đến khi hết nợ, rồi **Đ** về cùng bà **T2**, ông **T4**, cùng ngày bà **T2** trình báo sự việc đến cơ quan chức năng. Số tiền này bà **T2** và **Đ** chưa trả cho **Đỗ Đức A**.

Ngoài ra trong khoảng thời gian từ tháng 01 năm 2022 đến khi hành vi bị tố cáo, thì **Đỗ Đức A** còn cho một số người khác vay tiền với lãi suất cao hơn gấp 05 lần so với mức lãi suất cao nhất là 20%/năm được quy định tại Điều 468 Bộ luật dân sự, cụ thể:

Từ ngày 13/7/2022 đến ngày 06/9/2023, **Đỗ Đức A** cho **Mai Văn T1**, sinh năm: 2003, nơi cư trú: **tổ dân phố V, thị trấn Đ, huyện L** vay số tiền 5.000.000đ với lãi suất 15.000 đ trên một triệu một ngày, tương đương với lãi suất 540%/năm, cao gấp 27 lần so với lãi suất quy định tại Điều 468 Bộ luật dân sự. Khi vay cả hai có viết giấy vay mượn và **Đỗ Đức A** giữ của **T1** một sổ hộ khẩu của gia đình **T1** cùng với giấy vay mượn. Sau khi vay tiền **Mai Văn T1** đã trả tiền lãi và tiền gốc thông qua chuyển tiền vào tài khoản của **Đỗ Đức A** nhiều lần với tổng số tiền 18.700.000đ, trong đó số tiền gốc là 5.000.000đ, tiền lãi là 13.700.000đ. Số tiền thu lời cho phép đối với khoản vay 5.000.000đ/421 ngày vay là 1.153.424đ, số tiền thu lời bất chính là 12.546.576đ.

Ngày 12/12/2022, **Đỗ Đức A** cho **Phạm Nguyễn Quốc H**, sinh năm: 2001, nơi cư trú: **thôn Đ, xã Đ, huyện L** vay số tiền 10.000.000đ với lãi suất 15.000đ/triệu/ngày tương đương với mức lãi suất 540%/năm, cao gấp 27 lần so với lãi suất quy định tại Điều 468 Bộ luật dân sự. Khi vay cả hai có làm giấy tờ vay tiền và **H** thế chấp cho **Đức A** giấy chứng minh nhân dân của mình. Đến ngày 11/3/2023, **Phạm Nguyễn Quốc H** đã nhiều trả tiền lãi và tiền gốc cho **Đỗ Đức A** tổng số tiền 29.250.000đ, trong đó số tiền gốc là 10.000.000đ, số tiền lãi là 19.250.000đ/89 ngày. Theo quy định tại Điều 468 của Bộ luật dân sự số tiền lãi cho phép là 487.631đ, số tiền thu lợi bất chính là 18.762.369đ. Sau khi **H** trả hết tiền cho **Đức A** thì **Đức A** đã trả lại giấy chứng minh nhân dân cho **H** đồng thời xé bỏ giấy tờ vay tiền.

Ngày 19/6/2023, **Đỗ Đức A** cho **Lê Minh H1**, sinh năm: 1980, nơi trú: **thôn R, xã Đ, huyện L** vay số tiền 30.000.000đ với lãi suất 10.000đ/ triệu/ngày, tương đương với mức lãi suất 360%/năm, cao gấp 18 lần mức lãi suất cao nhất theo quy định tại Điều 468 Bộ luật dân sự, khi vay cả hai thỏa thuận bằng miệng,

không có giấy tờ gì và **Đức A** trừ tiền lãi trước 10 ngày là 3.000.000đ, còn lại chuyển tiền cho **H1** 27.000.000đ từ tài khoản của **Đức A** vào tài khoản của **H1**. Đến ngày 28/7/2023, **Lê Minh H1** đã chuyển khoản trả tiền lãi và tiền gốc cho **Đức A** 03 lần với tổng số tiền 29.000.000đ, trong đó số tiền gốc là 20.000.000đ, số tiền lãi là 9.000.000đ. Số tiền lãi cho phép theo quy định đối với khoản vay 30.000.000đ trên 39 ngày là 641.082đ, số tiền thu lời bất chính là 11.358.918đ. Trong quá trình điều tra **Lê Minh H1** đã trả cho **Đỗ Đức A** tiền gốc còn lại 10.000.000đ, khoản tiền này **Đỗ Đức A** không tính tiền lãi.

Ngày 08/9/2023, **Đỗ Đức A** cho **Lê Thị P**, sinh năm: 1990, nơi cư trú: **tổ dân phố G, thị trấn Đ, huyện L** vay số tiền 30.000.000đ với lãi suất 10.000đ/triệu/ngày, tương đương với mức lãi suất 360%/năm, cao gấp 18 lần mức lãi suất cao nhất theo quy định tại Điều 468 Bộ luật dân sự, khi vay cả hai thỏa thuận bằng miệng, không có giấy tờ gì và thống nhất trả lãi 05 ngày một lần, do đó **Đỗ Đức A** đã chuyển khoản số tiền 28.500.000đ cho **P**. Đến ngày 27/9/2023, **Lê Thị P** đã trả tiền lãi cho **Đỗ Đức A** tổng số tiền 7.500.000đ, tiền gốc vay chưa trả. Số tiền lãi cho phép theo quy định đối với khoản vay 30.000.000đ trên 19 ngày là 312.322đ, số tiền thu lời bất chính là 7.187.678đ. Trong quá trình điều tra **Lê Thị P** đã trả toàn bộ số tiền gốc vay 30.000.000đ cho **Đỗ Đức A**, **Đỗ Đức A** không tính tiền lãi.

Tổng số tiền mà **Đỗ Đức A** sử dụng cho **Dương Quốc Đ, Lê Minh H1, Phạm Nguyễn Quốc H, Mai Văn T1** và **Lê Thị P** vay với lãi suất cao hơn gấp 05 lần so với mức lãi suất quy định tại Điều 468 Bộ luật dân sự là 87.500.000đ, **Đỗ Đức A** đã thu tổng số tiền lãi là 61.275.000đ, trong đó xác định tổng số tiền lãi cho phép theo quy định là 3.719.937đ, tổng số tiền thu lời bất chính là 57.555.063đ.

Vật chứng vụ án: 01 sổ hộ khẩu số 393200536 đứng tên chủ hộ **Mai Văn T5**; 01 giấy cho vay tiền ghi ngày 13/7/2022 giữa **Đỗ Đức A** và **Mai Văn T1**.

Về trách nhiệm dân sự: Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan **Dương Quốc Đ** yêu cầu bị cáo trả lại số tiền thu lãi vượt mức cho phép là 7.699.522đ; **Lê Minh H1** không yêu cầu bị cáo trả lại số tiền thu lãi vượt mức cho phép; **Mai Văn T1** yêu cầu bị cáo trả lại số tiền thu lãi vượt mức cho phép 12.546.460 đ; **Lê Thị P** yêu cầu bị cáo trả lại số tiền thu lãi vượt mức cho phép 7.187.000đ; **Phạm Nguyễn Quốc H** yêu cầu bị cáo trả lại số tiền thu lãi vượt mức cho phép 18.762.329đ.

Tại bản cáo trạng số 117/CT-VKS ngày 26/6/2024 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Lâm Hà truy tố bị cáo **Đỗ Đức A** về tội: “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự” theo quy định tại khoản 1 Điều 201 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa,

Bị cáo không khiếu nại bản cáo trạng và khai nhận đã thực hiện hành vi phạm tội như cáo trạng truy tố.

Đại diện Viện kiểm sát giữ nguyên quyết định truy tố đối với bị cáo và đề nghị:

- Áp dụng khoản 1 Điều 201; điểm s khoản 1 Điều 51, điểm h khoản 1 Điều 52, Điều 36 của Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo **Đỗ Đức A** từ 12 đến 18 tháng cải tạo không giam giữ. Phạt bổ sung bị cáo **Đỗ Đức A** số tiền từ 50.000.000đ đến 60.000.000đ.

Về biện pháp tư pháp: Đối với số tiền gốc là 78.000.000đ bị cáo bỏ ra để cho vay mà người vay đã trả và tiền lãi hợp pháp là 3.719.937đ bị cáo đã thu của những người vay buộc bị cáo nộp lại để sung quỹ nhà nước.

Đối với tổng số tiền lãi vượt quá quy định mà bị cáo đã thu của người vay thì buộc bị cáo trả lại cho những người vay tiền, cụ thể buộc bị cáo phải trả lại cho anh **Dương Quốc Đ** số tiền là 7.699.522đ, trả cho **Mai Văn T1** số tiền là 12.546.576đ; trả cho chị **Lê Thị P** số tiền là 7.187.678đ.

Tại phiên tòa, anh **Phạm Nguyễn Quốc H** xác định sau khi kết thúc điều tra bị cáo đã trả lại cho anh số tiền lãi vượt quá 18.762.369đ nên anh **H** không yêu cầu bị cáo trả lại số tiền này. Do vậy, đề nghị Hội đồng xét xử không đặt ra để giải quyết.

Đối với số tiền gốc mà anh **Dương Quốc Đ** chưa trả cho bị cáo là 9.500.000đ, buộc anh **Dương Quốc Đ** nộp lại để sung quỹ nhà nước.

Về xử lý vật chứng: Lưu hồ sơ vụ án đối với 01 sổ hộ khẩu số 393200536 đứng tên chủ hộ **Mai Văn T5**; 01 giấy cho vay tiền ghi ngày 13/7/2022 giữa **Đỗ Đức A** và **Mai Văn T1**.

Về án phí: Đề nghị buộc các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định.

Bị cáo không trình bày lời bào chữa, không có ý kiến tranh luận.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, anh **Phạm Nguyễn Quốc H** xác định sau khi kết thúc điều tra bị cáo đã trả lại cho anh số tiền lãi vượt mức cho phép 18.762.369đ nên anh **H** không yêu cầu bị cáo trả lại số tiền này.

Lời nói sau cùng của bị cáo tại phiên tòa: bị cáo đã nhận thức được hành vi của bị cáo là vi phạm pháp luật, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt để bị cáo sớm trở về với gia đình.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng: quá trình điều tra, truy tố, Cơ quan Cảnh sát điều tra **C huyện L, tỉnh Lâm Đồng** và Điều tra viên; Viện kiểm sát nhân dân huyện Lâm Hà, tỉnh Lâm Đồng và Kiểm sát viên đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có ý kiến thắc mắc hay khiếu nại gì về hành vi, quyết định của các cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng.

Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã được tiến hành hợp pháp.

[2] Về hành vi phạm tội và tình tiết định khung hình phạt: bị cáo là người đã trưởng thành và biết rõ việc thông qua giao dịch dân sự để cho vay với lãi suất lớn hơn 05 lần so với mức lãi suất cao nhất quy định trong Bộ luật dân sự là hành vi trái pháp luật, bị pháp luật nghiêm cấm nhưng bị cáo vẫn cố ý thực hiện.

Từ ngày 13/7/2022 đến ngày 08/9/2023, bị cáo **Đỗ Đức A** đã trực tiếp cho anh **Dương Quốc Đ**, anh **Lê Minh H1**, chị **Nguyễn Thị P2**, anh **Phạm Nguyễn Quốc H**, anh **Mai Văn T1** vay lãi nặng với mục đích thu lợi bất chính cho bản thân. Hình thức cho lãi nặng là thỏa thuận trực tiếp và nhắn tin qua ứng dụng Messenger với mức lãi suất theo thỏa thuận, mức thấp nhất là 10.000đ/1.000.000đ/ngày đến 30.000đ/1.000.000đ/ngày. Để thực hiện việc cho vay lãi, **Đỗ Đức A** sử dụng tài khoản **ngân hàng TMCP Q**, số 0984237863 để thực hiện việc giao, nhận tiền với người vay. Mức lãi suất **Đỗ Đức A** cho vay từ 360%/năm đến 1080%/năm, cao hơn gấp 18 đến 54 lần so với mức lãi suất cao nhất cho phép theo quy định tại Điều 468 của Bộ luật dân sự. Tổng số tiền gốc bị cáo **Đỗ Đức A** cho vay là 87.500.000đ, số tiền thu lợi bất chính là 57.555.063đ.

Đối chiếu lời khai của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị cáo trong quá trình điều tra, phù hợp với lời khai của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, vật chứng thu giữ và các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, có đủ căn cứ kết luận hành vi của bị cáo **Đỗ Đức A** phạm tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự”, tội phạm và hình phạt quy định tại khoản 1 Điều 201 của Bộ luật hình sự.

Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Lâm Hà, tỉnh Lâm Đồng đã truy tố bị cáo là có căn cứ, đúng pháp luật.

[3] Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

- Bị cáo phạm tội với lỗi cố ý khi chưa được xóa án tích thuộc trường hợp tái phạm quy định tại khoản 1 Điều 53 của Bộ luật hình sự nên bị cáo bị áp dụng tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 của Bộ luật hình sự.

- Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo thành khẩn khai báo nên áp dụng cho bị cáo **Đỗ Đức A** được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự.

[4] Về quyết định hình phạt: Xét thấy, hành vi cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự hiện đang có xu hướng gia tăng về số lượng, địa bàn hoạt động ngày càng rộng, phương thức hoạt động ngày càng tinh vi, là nguyên nhân làm phát sinh nhiều loại tội phạm khác, gây mất an ninh trật tự, an toàn xã hội, ảnh hưởng

đến đời sống của nhân dân. Hành vi của bị cáo thực hiện là nguy hiểm cho xã hội, không chỉ gây ảnh hưởng trực tiếp tới quyền và lợi ích hợp pháp của người vay tiền mà còn xâm phạm đến trật tự quản lý của Nhà nước trong lĩnh vực tài chính, ngân hàng.

Chỉ vì muốn có lợi nhuận cao mà không phải lao động vất vả, bị cáo **Đỗ Đức A** đã bất chấp sự nghiêm cấm của pháp luật thực hiện hành vi cho vay lãi nặng nhằm thu lợi bất chính cho bản thân nên cần phải xử lý hình sự đối với bị cáo để phòng ngừa chung.

Xét thấy, bị cáo có nơi cư trú rõ ràng nên không cần thiết phải cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội cũng đủ để răn đe, giáo dục đối với bị cáo.

[5] Về biện pháp tư pháp:

- Đối với số tiền gốc bị cáo bỏ ra để cho vay mà người vay đã trả và tiền lãi hợp pháp bị cáo đã thu của những người vay: đây là số tiền sử dụng vào việc phạm tội và tiền lãi tương ứng mức lãi suất cao nhất theo quy định nên buộc bị cáo nộp lại số tiền này để tịch thu sung vào ngân sách Nhà nước.

- Đối với số tiền lãi vượt quá quy định bị cáo đã thu của người vay thì buộc bị cáo trả lại cho những người vay tiền.

- Đối với số tiền gốc mà người vay chưa trả cho các bị cáo, đây là khoản tiền bị cáo sử dụng vào việc phạm tội nên buộc những người vay nộp lại để sung vào ngân sách nhà nước nhà nước.

[6] Về xử lý vật chứng:

- Đối với 01 sổ hộ khẩu số 393200536 mang tên hộ ông **Mai Văn T5**: anh **Mai Văn T1** không có yêu cầu nhận lại nên cần lưu hồ sơ vụ án.

- Đối với 01 giấy cho vay tiền ghi ngày 13/7/2022 giữa **Đỗ Đức A** và **Mai Văn T1** là tài liệu liên quan đến vụ án nên lưu hồ sơ vụ án.

[7] Về án phí: Buộc bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

1. Tuyên bố: bị cáo **Đỗ Đức A** phạm tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự”.

Áp dụng khoản 1 Điều 201; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52; Điều 36 của Bộ luật hình sự.

Xử phạt bị cáo **Đỗ Đức A** 18 (mười tám) tháng cải tạo không giam giữ.

Giao bị cáo **Đỗ Đức A** cho Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện L, tỉnh Lâm Đồng giám sát, giáo dục trong thời gian thi hành hình phạt cải tạo không giam giữ. Gia

đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục bị cáo.

Phạt bổ sung bị cáo **Đỗ Đức A** số tiền 30.000.000đ (*Ba mươi triệu đồng*) để sung vào ngân sách nhà nước.

2. Về biện pháp tư pháp: Áp dụng Điều 47, Điều 48 Bộ luật hình sự, tuyên:

2.1. Buộc bị cáo **Đỗ Đức A** phải nộp lại 78.000.000đ (*Bảy mươi tám triệu đồng*) tiền gốc đã thu lại của những người vay tiền và và số tiền lãi hợp pháp đã thu của những người vay là 3.719.937đ (*Ba triệu bảy trăm mười chín ngàn chín trăm ba mươi bảy đồng*). Tổng số tiền phải bị cáo phải nộp lại là 81.719.937đ (*Tám mươi một triệu bảy trăm mười chín ngàn chín trăm ba mươi bảy đồng*) để sung công quỹ nhà nước.

2.2. Buộc anh **Dương Quốc Đ** phải nộp lại số tiền gốc chưa trả cho bị cáo là 9.500.000đ (*Chín triệu năm trăm ngàn đồng*) để sung vào công quỹ nhà nước.

2.3. Buộc bị cáo phải trả lại cho:

- **Dương Quốc Đ**: số tiền thu lợi bất chính là 7.699.522đ (*Bảy triệu sáu trăm chín mươi chín ngàn năm trăm hai mươi hai đồng*).

- **Mai Văn T1**: số tiền thu lợi bất chính là 12.546.576đ (*Mười hai triệu năm trăm bốn mươi sáu ngàn năm trăm bảy mươi sáu đồng*).

- **Lê Thị P**: số tiền thu lợi bất chính là 7.187.678đ (*Bảy triệu một trăm tám mươi bảy ngàn sáu trăm bảy mươi tám đồng*).

3. Về xử lý vật chứng: Căn cứ Điều 47 của Bộ luật hình sự, Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự, tuyên:

Lưu hồ sơ vụ án đối với 01 sổ hộ khẩu số 393200536 đứng tên chủ hộ **Mai Văn T5**; 01 giấy cho vay tiền ghi ngày 13/7/2022 giữa **Đỗ Đức A** và **Mai Văn T1**.

4. Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 135 và khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 31/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về việc áp dụng án phí, lệ phí Tòa án: Buộc bị cáo phải nộp 200.000đ (*Hai trăm nghìn đồng*) án phí hình sự sơ thẩm và 1.371.688đ (*Một triệu ba trăm bảy mươi một ngàn sáu trăm tám mươi tám đồng*) án phí dân sự sơ thẩm.

Trong hạn 15 (*mười lăm*) ngày kể từ ngày tuyên án, bị cáo và anh **Phạm Nguyễn Quốc H** có quyền kháng cáo để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng xét xử phúc thẩm. Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 (*mười lăm*) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết công khai. Người liên quan chỉ được quyền kháng cáo phần có liên quan.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Lâm Đồng (02);
- Sở Tư pháp tỉnh Lâm Đồng;
- VKS, CA huyện Lâm Hà;
- Chi cục THADS huyện Lâm Hà;
- Bị cáo; người tham gia tố tụng;
- Lưu HS - BP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thị Hạnh